TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT
Ngày 31/03/2023

Về việc:"Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông K' Tiêng và ông Võ Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 141/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Kim L - Có mặt và ông Trần Xuân L – Vắng mặt, cùng địa chỉ: Thôn GG, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung X; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thu T1; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Cát T2, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đức Minh, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Những người làm chứng:* + Bà Trần Thị B, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn GG, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị H1, địa chỉ: Thôn GG, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1976, ông Trần Xuân L có mua của ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L một lô đất diện tích 6.735 m^2với giá 350 đồng tiền chế độ cũ. Khi mua bán hai bên chỉ làm giấy tờ viết tay thể hiện nội dung sang nhượng đất. Tại thời điểm sang nhượng đất thì diện tích đất này là đất H1ng. Năm 1977 ông Trần Xuân L đưa gia đình gồm mẹ đẻ, bố dượng và bà nội cùng các em là Trần Thị H, Trần Thị B và Trần Thị H1 về sinh sống trên thửa đất này. Cả gia đình cùng nhau sinh sống và canh tác trên diện tích đất này. Năm 1983 ông L đi bộ đội đến năm 1985 ông L ra quân về địa phương và tiếp tục sử dụng diện tích đất nói trên, sau đó ông L kết hôn với bà Hòang Thị Kim L và tiếp tục ở trên diện tích đất này. Năm 1991 ông Trần Xuân L vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Sau khi ông L đi chấp hành án thì bà L cùng mẹ, các em và các con tiếp tục quản L và sử dụng đất cho đến năm 1994 thì làm thủ tục đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này - Thửa đất số 189 tờ bản đồ số 9, thời điểm bà L đăng ký không có ai tranh chấp. Sau khi ông L chấp hành xong hình phạt trở về địa phương cùng bà L và các con tiếp tục quản L sử dụng. Đến năm 2000 thì phát sinh tranh chấp với bà Trần Thị T, trú tại thôn Đức Phúc, xã Đ, huyện Đ; đến năm 2011 bản án số 16/2011/DSST của Tòa án nhân dân huyện Đ và Bản án phúc thẩm số 02/2012 ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T và buộc vợ chồng ông L, bà L trả lại diện tích đất trên cho bà Trần Thị T. Ngày 14/01/2013 Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao ban hành kháng nghị số 03/QĐ-KNGĐT-V5 đề nghị Tòa án nhân dân Tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy cả bản án sơ thẩm số 16/2011/SD-ST ngày 07/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ và bản án dân sự phúc thẩm số 21/2012/DS-PT ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Tại quyết định giám đốc thẩm số 98/2013/DS-GĐT ngày 27/02/2013 của Tòa án nhân dân Tối cao đã tuyên hủy cả hai bản án nói trên và giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án đến năm 2017 bà T có đơn rút đơn khởi kiện, ông L có đơn rút đơn phản tố nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã đình chỉ vụ án.; đến năm 2018 thì bà T phá bỏ nhà và các công trình trên đất và chiếm toàn bộ diện tích đất nói trên, sau đó bà T tặng cho con gái Nguyễn Thị Thu T1 và nay đã được chuyển thành thửa đất số 295 tờ bản đồ số 9, diện tích 5.615,6m^2. Do đó ông L và bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Thu T1 trả lại toàn bộ thửa đất số 295 tờ bản đồ số 9, diện tích 5.615,6m^2 cho ông bà.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Năm 1976, bà có mua của ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Hà Thị N một lô đất diện tích 6.735m^2 với giá 1,5 chỉ vàng. Lúc mua các bên có làm giấy sang nhượng tay với nhau. Sau khi nhận sang nhượng, bà T làm hai căn nhà trên đất: 01 căn để cho mẹ và 04 em ở; 01 căn thì bà, ông Trần Xuân L (anh trai) và bà nội ở. Đến năm 1978, bà mua một mảnh đất khác và ông L theo bà đến ở trên diện tích đất mới. Năm 1983, ông L đi bộ đội. Năm 1985 ông L về, do không có đất canh tác nên ông L làm đơn xin HTX M cấp đất và được cấp 1.450m^{2}đất tại thôn 9, xã Đ và lập gia đình với bà Hoàng Thị Kim L, ông L và bà L làm nhà ở riêng trên diện tích đất đó.

Năm 1996, khi bà đi kê khai đăng ký để xin cấp GCNQSDD đối với diện tích 6.735m^{2}đất thì phát hiện bà L đã đăng ký kê khai diện tích đất trên và đã được cấp GCNQSDD. Vì vậy, bà T đã làm đơn khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền. Trong lúc các cơ quan có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc thì ông L và bà L bán phần đất 1.450 m^{2}đang ở cho ông Nguyễn Hữu G, và dỡ căn nhà đến dựng trên phần đất 6.735m^2 của bà để ở. Bà tiếp tục làm đơn khiếu nại yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 02/12/2004, Chủ tịch UBND huyện Đ, sau khi căn cứ vào bản báo cáo kết luận của đoàn T tra số 392 và biên bản công bố kết luận T tra việc giải quyết đơn khiếu nại của bà đã ra quyết định số 511/QĐ-UB huỷ bỏ giá trị pháp L của GCNQSDD số IC 202632, diện tích 6.735m^2, tờ bản đồ số 9, thửa đất số 189, cấp ngày 16/03/2000 mang tên Trần Xuân L. Với L do là: Khai man phần diện tích 6.735m^2 của bà. Bà L không đồng ý với quyết định trên nên đã gửi đơn khiếu nại lên chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông. Ngày 30/6/2005, chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông có quyết định số 866/QĐ-UB theo đó, không chấp nhận nội dung đơn của bà L và giữ nguyên quyết định của UBND tỉnh Đắk Nông.

Không đồng ý với quyết đinh trên, bà L tiếp tục khiếu nại lên cơ quan Trung ương. Ngày 26/9/2005, Bộ Tài nguyên môi trường có công văn số 3778/BTNMT-ĐĐ yêu cầu UBND tỉnh Đắk Nông huỷ bỏ quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 30/6/2005, đồng thời chỉ đạo UBND huyện Đ huỷ bỏ quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 02/12/2004, trả lại GCNQSDD số K 202632 cho ông L và hướng dẫn để ông L làm đơn khởi kiện ra Toà.

Ngày 17/8/2007, sau khi làm việc với UBND tỉnh Đắk Nông, cùng các cơ quan chức năng và những cá nhân có liên quan, kiểm tra thực trạng nhà đất, T tra chính phủ đã có kết luận số 1707/KL-TTCP theo hướng công nhận quyết định số 866/QĐ-UB ngày 30/6/2005 của UBND tỉnh Đắk Nông. Ngày 19/9/2007 Văn phòng chính phủ có công văn số 5277/VPCP-V.II đồng ý với kiến nghị của T tra chính phủ. Chấm dứt việc xem xét nội dung khiếu nại.

Ngày 12/03/2008 Chủ tịch UBND huyện Đ có tờ trình số 167/UBND- TTr chỉ đạo cho UBND xã Đ đồng ý cho bà được làm thủ tục lê khai đăng ký cấp GCNQSDD lô đất có diện tích 6.735m^2; Giao cho UBND xã Đ hướng dẫn bà làm thủ tục kê khai đăng ký cấp GCNQSDD và tiến hành mời hộ ông Trần Xuân L và bà Hoàng Thị Kim L di dời nhà ra khỏi lô đất trên.

Ngày 20/01/2010, bà được UBND huyện Đ cấp GCNQSDD số BA 156070 với diện tích 5.696 m^2. Năm 2018 bà T tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất nói trên cho con và Nguyễn Thị Thu T1 và đã sang tên cho chị T1 theo GCNQSDĐ số CN 270956 ngày 06/6/2018. Do vậy, bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân L và bà Hoàng Thị Kim L. Theo các biên bản trình bày, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà cho rằng vụ việc của bà đã được giải quyết xong nên bà T đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Vụ việc của bà L và ông L đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm, việc bà L khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà L và ông L.

Người làm chứng bà Trần Thị H1 trình bày: Bà là anh chị em cùng mẹ nhưng khác cha với ông L và bà T, trước năm 1975 cả gia đình bà ở Phan Thiết, Bình Thuận, sau đó mới chuyển đến Đắk Nông (khi đó là Đắk Lắk) để sinh sống và ở trên miếng đất hiện tại hai bên đang tranh chấp. Nguồn gốc thửa đất 295, tờ bản đồ 9 là do ông L đứng ra mua nhưng mua bằng tiền của cha mẹ ông bà đưa, mua của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L, sau khi mua đất thì ông L có dựng nhà trên đất, dựng hai căn nhà gỗ, 04 chị em bà (gồm bà Trần Thị H1, Trần Thị B, Trần Thị H và Trần Thị Quế (đã chết)) ở với cha mẹ còn nhà bên kia ông L ở chung với bà nội (mẹ của bố ông L, bà T); khi đó bà T có ở chung với ông L và bà nội mấy tháng (trước đó thì đã lấy chồng và ở riêng) thì đi mua đất khác và ở riêng luôn cho tới bây giờ; bà H1 ở trên đất từ khi ông L mua đến năm 1982 mới chuyển đi chỗ khác ở; quan điểm của bà H1 cho rằng đây là đất của ông L mua, bà T chỉ ở nhờ có mấy tháng nên việc bà T cho rằng đất của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

Người làm chứng bà Trần Thị H trình bày: Bà là anh chị em cùng mẹ nhưng khác cha với ông L và bà T, trước năm 1975 cả gia đình bà ở Phan Thiết, Bình Thuận, sau đó mới chuyển đến Đắk Nông (khi đó là Đắk Lắk) để sinh sống và ở trên miếng đất hiện nay hai bên đang tranh chấp. Nguồn gốc miếng đất là tiền của bố mẹ bà bán xe hon da và tôn lợp được một số tiền rồi đem lên phụ với ông Trần Xuân L mua miếng đất của ông Nguyễn Văn T1, khi bà H lên ở thì không có bà Trần Thị T, khi đó bà T ở riêng chứ không ở chung trên miếng đất tranh chấp. Bà ở trên miếng đất này đến năm 2000 thì chuyển đi nơi khác sinh sống, do khi bà lấy chồng bà vẫn ở miếng đất này nhưng ở dưới cuối đuôi đất nên sau đó vợ chồng bà đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Bà có biết việc bố mẹ bà đưa tiền cho ông L để mua đất, mua của ông Nguyễn Văn T1, sau khi mua cả gia đình cùng sống trên mảnh đất này. Có hai căn nhà gỗ, bốn chị em bà và bố mẹ bà ở một căn còn một căn ông L với bà Nội (mẹ của bố ông L) ở với nhau; có vài tháng bà T ở nhờ trên miếng đất của ông Đình, là miếng đất bên cạnh chứ không phải miếng đất này, bà T chưa hề ở trên miếng đất này ngày nào; đến năm 1977 thì bố bà mất, đến năm 1978 thì bà nội mất, đến năm 2006 thì mẹ bà mất, đều mất ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; ông L lấy vợ năm 1987, khi lấy vợ ông L ở bên đất nhà ngoại chứ bà L

không ở trong căn nhà gỗ mà trước đó ông L ở chung với bà nội (khi đó bà Nội đã mất rồi). Đến khi đẻ được hai đứa con thì ông L và bà L mới chuyển về sinh sống trên miếng đất này đến khi tranh chấp luôn, đến khi hai bên tranh chấp nhau thì bà L và ông L mới đi chỗ khác ở. Quan điểm của bà đối với vụ án bà cho rằng; thực tế đây là đất của ông L mua, bà T không ở trên đất và không có liên quan gì cả, nên việc bà T cho rằng đây là đất của bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Nguồn gốc tiền mua đất có tiền của bố ruột bà là ông Trần Xuân B góp vào mua, còn ông L đứng ra mua bán với ông Nguyễn Văn T1. Sau đó có thời gian còn thiếu một ít tiền thì vợ ông T1 lên đòi tiền thì bà T lại đưa tiền cho vợ ông T1, khi đó đã mười mấy năm sau rồi, tiền bạc như thế nào bà không rõ nhưng thực tế ông L đứng ra mua bán với ông T1.

Người làm chứng bà Trần Thị B trình bày: Nguồn gốc thửa đất (có tranh chấp giữa ông L, bà L với bà T) như sau: Vào năm 1976 cha đẻ của bà là ông Trần Xuân Bổn (ông Bổn là cha dượng của ông L và bà L) bán đất ở Phan Thiết, Bình Thuận và đưa tiền cho ông L nhờ ông L đứng ra mua giùm mảnh đất của ông T1 và bà Nguận cho gia đình bà ở, khi đó đã trả hết tiền hay chưa thì bà không rõ nhưng bà Nguận có đến hỏi tiền (khi đó ông L đang đi bộ đội), khi đó không có ông L ở nhà nên tôi có nói bà Nguận hỏi chị T xem sao, vì vậy việc bà Nguận có nhận tiền từ chị T hay không thì tôi không rõ; khi mua đất ông L chưa lấy bà L, mẹ bà ở một mình trên đất chứ không ở chung với ai, ông L, bà H1, bà T đều ở nơi khác, sau đó ông L bán miếng đất của ông L rồi quay về ở lại trong vườn (bà không nhớ năm nào), còn bà T, bà H1 cũng không ai quy về ở trên đất nữa; còn bà và bà H ở với nhau ở đuôi miếng vườn (phần này không nằm trong đất tranh chấp và đã chuyển nhượng cho người khác). Bà cho rằng nguồn gốc đất do ông L mua bằng tiền của bố mẹ bà đưa cho, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày: Nguồn gốc thửa đất có tranh chấp là do vợ chồng bà là ông Nguyễn Vặn T và bà là Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông Trần Xuân L vào năm 1976; hai bên có viết giấy tay với nhau, do ông T viết cho ông L; đất này là do ông bà khai H1ng; quan điểm của ông bà cho rằng việc ông L mua đất của bà là đúng sự thật, đề nghị Tòa án buộc bà T, chị T1 trả lại đất cho ông L và bà L.

Người làm chứng bà Ngô Thị H1 trình bày: Trước đây bà là hàng xóm của mẹ ông L (bà Lê Thị T, thường gọi bà M), thời điểm bà ở gần (năm 1977) thì chưa có bà T, sau đó bà T mới chuyển từ 304 về ở chung, sau đó bà H1 cũng chuyển đi nơi khác sinh sống nên bà không rõ.

Giá trị đất tranh chấp là 15.891.180.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu đối với tài sản trên đất.

Tại bản án số: 49/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân L và bà Hoàng Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho ông Trần Xuân L và bà Hoàng Thị Kim L quyền sử dụng đất của thửa đất số 295 tờ bản đồ số 9 có diện tích 6.088.8m^2, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông,

2. Ông Trần Xuân L, bà Hoàng Thị Kim L có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Giữ nguyên Biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2020/QĐ – BPKCTT ngày 14/10/2020 đối với thửa đất số 295 tờ bản đồ số 9 có diện tích 6.088.8m^2, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/11/2022 và ngày 01/12/2022 bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thu T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ như: Hồ sơ vụ án có 2 thông báo thụ L vụ án cùng số nhưng khác nội dung; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ việc bà T1 được cấp GCNQSDĐ thông qua hình thức nào (mua bán hay được tặng cho)?; chưa xác minh làm rõ có việc bà T có nhờ ông T1 ký vào giấy mua bán ghi ngày 08/9/1996 hay không? theo lời khai của ông L, bà L thì mua của ông T, bà L từ năm 1976; Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T là bị đơn trong án nhưng khi tuyên án chỉ buộc bà T1 trả lại đất trong khi chưa xem xét đến trách nhiệm của bà T trong vụ án. Từ những phân tích nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Qúa trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có những sai sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

[1.1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2019 thì bà Hoàng Thị Kim L và ông Trần Xuân L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T trả lại diện tích 6.735m^2, thửa số 189, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại thôn Đức L, xã Đ, huyện Đ do UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số BA 156070 cho bà Trần Thị T ngày 20/01/2010. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ L vụ án "tranh chấp quyền sử dụng đất" (Bl 64) với bị đơn bà Trần Thị

T. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết nguyên đơn phát hiện bà T đã chuyển quyền sử dụng đất (tặng cho) thửa đất nêu trên cho con là bà Nguyễn Thị Thu T1 vào ngày 06/6/2018, bà T1 được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 9 (thửa đất số 189 trước đây) nên ngày 3/01/2020, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 trả lại diện tích đất của thửa đất số 295, tờ bản đồ số 9 (Bl 82) và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ L yêu cầu của nguyên đơn đối với bà T1.

Như vậy, một thửa đất nhưng nguyên đơn khởi kiện đòi hai bị đơn trả lại đất lấn chiếm. Lẽ ra, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm phải làm rõ nguyên đơn bổ sung bị đơn hay thay đổi bị đơn. Trường hợp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với hai bị đơn có cùng một yêu cầu trả lại một thửa đất lấn chiếm thì HĐXX phải nhận định và quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với từng bị đơn mới đúng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ tuyên "*Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 phải trả cho ông Trần Xuân L và bà Hoàng Thị Kim L quyền sử dụng đất của thửa đất số 295 tờ bản đồ số 9 có diện tích 6.088.8m^2, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông"* là giải quyết bỏ sót yêu cầu của đương sự.

[2]. Về nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L vào năm 1976 ; Bị đơn (bà T) thì xác định do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Hà Thị N (ông T1 là bố của ông T) vào năm 1976. Tuy nhiên, các đương sự đều không cung cấp được văn bản nhận chuyển nhượng tại thời điểm năm 1976 mà chỉ có văn bản xác nhận của ông T1 và ông T cho các đương sự trong quá trình các cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp thửa đất trên giữa các bên từ năm 1996 đến nay. Theo đó ông T1, bà Nguận xác nhận có chuyển nhượng cho bà T năm 1976; ông T xác nhận có chuyển nhượng cho ông L năm 1976. Các đương sự đều có mối quan hệ là chị, em ruột và bà con họ hàng trong gia đình. Hiện nay giữa gia đình ông T1, ông T không tranh chấp gì đối với thửa đất nguyên đơn với bị đơn đang tranh chấp. Do vậy, việc đánh giá chứng và áp dụng pháp luật giải quyết như thế nào cần phải xem xét quá trình sử dụng đất, việc kê khai, đăng ký và chính sách pháp luật theo từng thời điểm cụ thể mới chính xác và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp giữa các đương sự.

[2.1.1]. Ngoài ra, lời khai của những người chị em ruột trong gia đình trong quá trình giải quyết vụ án cũng khai khác nhau, có mâu thuẫn với nhau cũng chưa được đối chất làm rõ (bà H1, bà H, bà B thì cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Nguyễn Văn Bổn bố mẹ ruột của các bà đưa tiền cho ông L đứng ra mua từ ông T1). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cho rằng đây là tài sản chung của gia đình do bố các bà là ông B đã bỏ tiền ra mua và các anh chị em đều có thời gian sinh

sống ở trên đất này thời gian dài nên đề nghị chia cho các bà. Qúa trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, làm rõ nội dung này là thiếu sót.

[2.2]. Về quá trình sử dụng đất: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ để xác định rõ quá trình sử dụng đất của các bên đang tranh chấp, từ trước đến nay ai là người sử dụng? sử dụng như thế nào? Có liên tục không? từ thời gian nào đến thời gian nào? hiện nay ai đang quản L sử dụng? để có căn cứ giải quyết vụ án theo hướng nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số 98/2013/DS-GĐT ngày 27/2/2013. Khi chưa làm rõ những nội dung nêu trên nhưng cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2.3]. Mặc khác, cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị T1 trả lại diện tích đất 6.088.8m^2, thửa số 295 tờ bản đồ số 9 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận QSD đất cho chị T1 do nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà T. Đều này chứng tỏ cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn là người có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 189, tờ bản đồ số 9 (nay là thửa đất số 295). Tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc bị đơn trả lại đất mà không nhận định đánh giá xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T và việc chuyển quyền sử dụng đất giữa bà T với chị T1 năm 2018 có giá trị pháp L hay không là thiếu sót, không đúng.

[3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, nội dung yêu cầu kháng của bà T, bà T1 là có căn cứ để chấp nhận. Tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 49/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và L phí Tòa án.

Tuyên:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Đ để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí: Hoàn trả cho bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị T T1 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lại thu số 0006997, 0007021 ngày 30/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ửng